



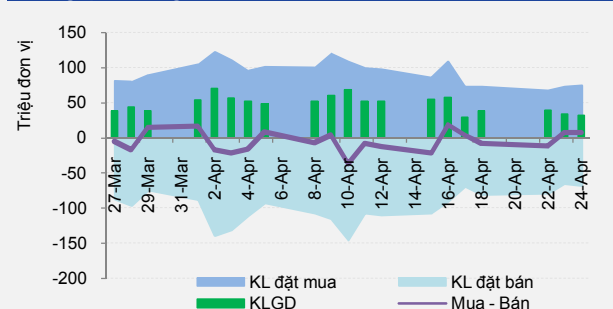
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 24/4/2013

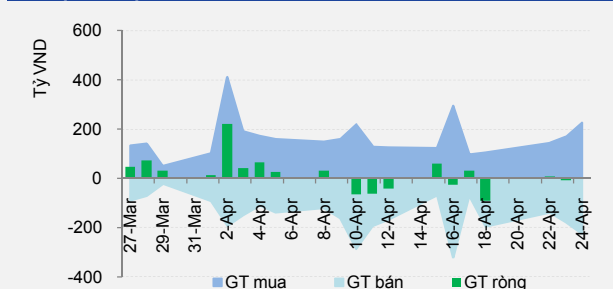
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	472.9	58.3
% Thay đổi	↓ -0.2%	↑ 0.1%
KLGD (CP)	32,854,256	21,611,428
GTGD (tỷ đồng)	623.17	142.01
Tổng cung (CP)	67,508,390	43,514,400
Tổng cầu (CP)	74,747,610	45,464,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	5,464,176	554,400
KL mua (CP)	6,705,666	1,294,300
GTmua (tỷ đồng)	226.67	11.56
GT bán (tỷ đồng)	223.56	4.87
GT ròng (tỷ đồng)	3.11	6.69

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.39%	7.2	1.4	1.1%
Công nghiệp	↑ 0.09%	15.0	0.9	11.3%
Dầu khí	↑ 0.97%	5.5	0.9	3.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.53%	8.1	1.4	1.0%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.10%	7.3	2.4	16.8%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.49%	12.7	5.3	14.4%
Ngân hàng	↓ -0.53%	5.5	1.4	9.1%
Nguyên vật liệu	↑ 0.83%	8.0	2.1	15.2%
Tài chính	↓ -0.46%	22.7	2.5	23.9%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 0.79%	10.0	3.3	4.1%
VN - Index	↓ -0.17%	13.2	3.1	81.6%
HNX - Index	↑ 0.09%	13.7	1.4	18.4%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Sau những phiên giảm điểm mạnh tuần trước thì thị trường đang có dấu hiệu chững lại. Tuy nhiên vẫn chưa xuất hiện các tín hiệu cần thiết cho thấy khả năng thị trường có thể phục hồi vững chắc vì vậy việc giải ngân vào giai đoạn hiện tại vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Nhà đầu tư đã thực hiện chiến lược giảm tỷ trọng cổ phiếu về mức an toàn như các khuyến nghị trước đó của chúng tôi tiếp xem xét duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp. Mức hỗ trợ trung hạn cho chỉ số VN-Index là khu vực 450 điểm. Mức hỗ trợ trung hạn cho chỉ số HNX-Index là khu vực 54 điểm.

- VN-Index giảm điểm nhẹ về mức 472.89 điểm, giảm 0.8 điểm tương ứng với mức 0.17% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 30.22 triệu đơn vị, giảm 1.85% so với phiên trước.

- HNX-Index tăng điểm nhẹ lên mức 58.27 điểm, tăng 0.05 điểm tương ứng với mức 0.09% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 17.2 triệu đơn vị, giảm 15.31% so với phiên trước.

- Nhóm cổ phiếu có vốn hóa lớn phân hóa trong phiên giao dịch ngày hôm nay. Một số cổ phiếu có vốn hóa lớn tăng điểm như GAS tăng 0.93%, PVF tăng 2.5%, PVD tăng 1.54%... Một số cổ phiếu có vốn hóa lớn giảm điểm như BVH giảm 1.74%, MSN giảm 1.8%, VCB giảm 1.48%...

- CPI tháng 4 tăng 0.02% so với tháng trước, do tác động từ mức tăng mạnh của nhóm thuốc và dịch vụ y tế (3.62%) và nhóm hàng giao thông (1.2%). Còn lại đa số nhóm hàng giảm hoặc tăng không đáng kể so với tháng trước, đặc biệt nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm gần 1%. Chỉ số CPI tăng thấp, bất chấp diễn biến điều chỉnh giá xăng cho thấy sức mua toàn nền kinh tế rất thấp.

- Về việc điều chỉnh phí dịch vụ y tế theo Thông tư liên tịch số 04 của Bộ Y tế, đã có 61/63 tỉnh, thành phố đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt khung giá viện phí mới. Trong đó, 44 địa phương thực hiện trong năm 2012, 4 địa phương đã thực hiện từ 1/4/2013 (làm chỉ số giá nhóm dịch vụ y tế tăng 4.51%), 13 địa phương sẽ thực hiện trong năm 2013. Hiện còn Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh chưa được phê duyệt khung giá dịch vụ y tế mới.

- Hôm nay chúng tôi có tham dự Đại hội Cổ đông CTCP Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai (XMC). Theo đó, vấn đề cần đổi dòng tiền, tái cơ cấu bộ máy hoạt động, tập trung vào những dự án hiệu quả là những điểm trọng tâm của XMC trong năm 2013.

- Về cần đổi dòng tiền, XMC có kế hoạch thực hiện: 1/ Thoái vốn tại 3 công ty con hoạt động kém hiệu quả (CTCP Bê tông Vinaconex Phan Vũ, CTCP Đầu tư và Xây dựng 45, CTCP Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng); 2/ Bán một số dự án Bất động sản (Tầng 1-3 tòa nhà CT2 – Ngõ Thì Nhậm); Chú trọng đẩy nhanh tiến độ thi công, bán hàng các dự án BĐS (tòa nhà 11T2 tại Trung Hòa Nhân Chính, chung cư 25 tầng CT2 – Ngõ Thì Nhậm); 3/ Thành lập ban xử lý nợ nhằm đẩy nhanh tiến độ thu hồi các khoản phải thu, tính đến cuối năm 2012 là 519 tỷ đồng. Tuy nhiên, một điểm cần lưu ý là XMC mới trích lập dự phòng 10 tỷ đồng đối với khoản phải thu này; 4/ Làm việc với các Ngân hàng trong việc vay vốn. XMC đã có được cam kết hạn mức tín dụng 279 tỷ đồng từ các Ngân hàng trong năm 2013. Công ty không có kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2013, nhằm tránh rủi ro pha loãng cổ phiếu đối với cổ đông hiện hữu.

- Về tái cơ cấu bộ máy, XMC dự kiến chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Hà Đông. Công ty cũng sẽ tập trung nguồn vốn đầu tư vào các dự án BĐS có triển vọng tiêu thụ, bán/dừng triển khai những dự án kém khả thi hơn, tiếp tục tìm kiếm dự án xây lắp, tận dụng thương hiệu đã gây dựng được uy tín của Vinaconex Xuân Mai.

Với những giải pháp trên, XMC xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 với lợi nhuận sau thuế đạt 33 tỷ đồng, tăng 271% so với năm 2012, với cổ tức dự kiến 5%.

VN-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm điểm nhẹ về mức 472.89 điểm, giảm 0.8 điểm tương ứng với mức 0.17% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số VN-Index điều chỉnh về mức hỗ trợ 460 điểm thì đã quay đầu tăng điểm trở lại. Tuy nhiên động lực tăng điểm của chỉ số VN-Index từ mức hỗ trợ này chủ yếu bắt nguồn từ sự tăng điểm của một số mã cổ phiếu có vốn hóa lớn.

- Chỉ số VN-Index tăng điểm qua mức MA20 và sau đó tiếp tục tăng điểm qua mức 498-500 điểm tạo mức cao nhất trong hơn hai năm gần đây. Nhưng sau đó chỉ số VN-Index đã không kiểm định thành công mức này và giảm điểm trở lại về dưới mức 498-500.

Nhận định: Chỉ số VN-Index giảm điểm trở lại sau phiên phục hồi với lực cầu suy giảm hôm qua. Sau những phiên giảm điểm mạnh thì chỉ số VN-Index đang có dấu hiệu chững lại. Tuy nhiên vẫn chưa xuất hiện các tín hiệu cần thiết cho thấy khả năng chỉ số VN-Index phục hồi vững chắc vì vậy việc giải ngân vào giai đoạn hiện tại vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Nhà đầu tư đã thực hiện chiến lược giảm tỷ trọng cổ phiếu về mức an toàn như các khuyến nghị trước đó của chúng tôi tiếp xem xét duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp. Mức hỗ trợ trung hạn cho chỉ số VN-Index là khu vực 450 điểm.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng điểm nhẹ lên mức 58.27 điểm, tăng 0.05 điểm tương ứng với mức 0.09% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số HNX-Index giảm điểm mạnh từ giữa tháng 2. Khi chỉ số HNX-Index tiếp cận với khu vực 59 điểm đã phục hồi nhẹ trở lại và hình thành khu vực sideway với biên độ hẹp từ đầu tháng Ba đến giữa tháng Bốn.

- MA200 hướng xuống cho thấy xu hướng dài hạn của HNX-Index vẫn đang giảm điểm

- MA20 cắt xuống MA50 trong giữa tháng 3 là tín hiệu cho thấy xu hướng trung hạn của chỉ số HNX-Index chuyển sang giảm điểm.

Nhận định: Sau phiên ba phiên giảm điểm liên tiếp thì chỉ số HNX-Index đã giảm điểm qua dải dưới của dải bollinger band. Với tín hiệu này thì chỉ số HNX-Index đã có hai phiên phục hồi trở lại. Tuy nhiên khối lượng giao dịch lại liên tiếp sụt giảm trong hai phiên tăng điểm cho thấy lực cầu giảm khi chỉ số HNX-Index tăng điểm. Với những tín hiệu kỹ thuật hiện tại thì xác suất chỉ số HNX-Index phục hồi vững chắc là không cao. Nhà đầu tư đã thực hiện chiến lược giảm tỷ trọng cổ phiếu về mức an toàn như các khuyến nghị trước đó của chúng tôi tiếp xem xét duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp. Mức hỗ trợ trung hạn cho chỉ số HNX-Index là khu vực 54 điểm.

**Khuyến nghị đã đóng**

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá đóng khuyến nghị	Hiệu suất (%)
GMD	12/12/2012	21/12/2012	Mua	17.6	19.5	16.2	17.4	-1.14
OGC	17/12/2012	21/12/2012	Mua	9.3	10.4	8.8	9.6	3.23
LSS	26/12/2012	02/01/2013	Mua	14.3	16.5	13.7	15.8	10.49
NTL	26/12/2012	03/01/2013	Mua	15.7	19	14.8	16.5	5.10
KSD	15/01/2013	18/01/2013	Mua	2.2	2.8	2	2.5	13.64
DRC	04/02/2013	07/02/2013	Mua	33.8	40	32	41.5	22.78
PGC	06/02/2013	21/02/2013	Mua	9.6	14	8.9	10.4	8.33
SII	09/04/2013	12/04/2013	Mua	15.2	18	14.5	15.1	-0.66

Ghi chú:

Khuyến nghị được đưa ra thuần túy dựa trên phân tích kỹ thuật và chỉ mang tính chất tham khảo.

Khuyến nghị bán không hàm nghĩa bán khống mà chỉ là quan điểm của chúng tôi về xu thế ngắn hạn của cổ phiếu này.

Giá hiện tại chính là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày ra báo cáo.

Khách hàng chủ động cắt lỗ khi giá tăng/giảm đến mức cắt lỗ trong khuyến nghị

Tùy thuộc vào diễn biến thị trường, chúng tôi có thể đưa ra khuyến nghị dừng lỗ hoặc chốt lãi khác so với các mức giá được đưa ra.

LỘC CỔ PHIẾU

Thị trường quay trở lại diễn biến giảm điểm nhẹ với thanh khoản thấp. Với thực tế động lực thị trường yếu, chúng tôi duy trì quan điểm nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng tiền mặt ở mức cao. Chúng tôi cũng bảo lưu đánh giá nhóm cổ phiếu Bluechips có yếu tố cơ bản tốt, có kỳ vọng lợi nhuận 2013 đột biến, có khả năng chia cổ tức/thưởng, phát hành thêm cổ phiếu vẫn sẽ là tâm điểm thu hút dòng tiền.

Chúng tôi thống kê chỉ tiêu tài chính của 10 cổ phiếu thịnh dư vốn cổ phần cao nhất, 10 cổ phiếu có lợi nhuận chưa phân phối cao nhất, 10 cổ phiếu có kế hoạch cổ tức năm 2013 cao nhất để nhà đầu tư tham khảo.

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ THẠNG DƯ VỐN CỔ PHẦN CAO NHẤT

Mã CK	LN Q1.2013	LN Q1 YOY	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	Thặng dư vốn CP	Beta	PB	Kế hoạch cổ tức 2013
MSN	0	-	86,391	2,087	20,201	3.49%	8.47%	52.22	7,999	1.31	5.40	-
VIC	0	-	168,879	2,041	15,071	3.44%	18.42%	29.89	3,974	0.54	4.05	-
PVI	58	-60.84%	18,187	1,814	25,970	4.10%	6.74%	8.60	3,323	0.50	0.60	-
BVH	0	-	422,851	1,981	17,802	3.00%	11.34%	22.81	3,184	1.96	2.54	-
HAG	0	-	760,379	645	18,150	1.23%	3.65%	32.72	2,881	1.62	1.16	-
GMD	0	-	502,982	944	40,143	1.52%	2.40%	31.90	2,471	1.55	0.75	-
HPG	0	-	685,324	2,385	19,294	5%	13%	11.20	2,207	1.42	1.38	2,000
KDC	0	-	58,435	2,239	25,076	6.24%	9.02%	21.08	2,190	0.26	1.88	-
PVD	0	-	250,226	6,878	33,216	7.70%	21.94%	5.76	1,382	1.33	1.19	-
VNM	1,640	29.09%	330,487	6,981	18,578	32.99%	41.61%	17.91	1,277	0.94	6.73	-

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI CAO NHẤT

Mã CK	LN Q1.2013	LN Q1 YOY	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	LN chưa phân phối	Beta	PB	Kế hoạch cổ tức 2013
MSN	0	-	86,391	2,087	20,201	3.49%	8.47%	52.22	5,967	1.31	5.40	-
VNM	1,640	29.09%	330,487	6,981	18,578	32.99%	41.61%	17.91	5,199	0.94	6.73	-
GAS	2,585	12.06%	868,078	5,175	14,350	21.61%	38.71%	10.53	5,072	1.04	3.80	-
FPT	321	-5.73%	244,204	5,670	22,574	10.57%	26.32%	6.54	3,181	0.94	1.64	-
PVD	0	-	250,226	6,878	33,216	7.70%	21.94%	5.76	2,043	1.33	1.19	-
DPM	538	-41.79%	565,791	7,983	23,579	30.36%	35.11%	5.24	1,975	1.25	1.77	-
BVH	0	-	422,851	1,981	17,802	3.00%	11.34%	22.81	1,726	1.96	2.54	-
PVS	241	2.66%	601,900	3,211	20,974	5.00%	18.40%	4.11	1,568	0.64	0.63	-
HAG	0	-	760,379	645	18,150	1.23%	3.65%	32.72	1,497	1.62	1.16	-
HPG	0	-	685,324	2,385	19,294	5.44%	12.83%	11.20	1,393	1.42	1.38	2,000

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ KẾ HOẠCH TRẢ CỔ TỨC NĂM 2013 CAO NHẤT

Mã CK	LN Q1.2013	LN Q1 YOY	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	Công nợ/VCSH	Beta	PB	Kế hoạch cổ tức 2013
PHR	228	34.85%	124,128	7,587	24,897	19.44%	31.78%	3.98	1	0.51	1.21	3,000
NSC	16	-14.12%	9,143	7,793	26,687	20.54%	32.20%	8.47	0	0.68	2.47	3,000
TRC	0	-	11,157	11,613	43,444	23.13%	28.20%	4.24	0	0.42	1.13	3,000
DRL	8	0.01%	2,108	4,109	11,509	31.42%	33.36%	5.96	0	0.39	2.13	3,000
SEB	15	-33.77%	3,200	5,023	15,967	17.80%	33.03%	5.08	1	0.08	1.60	2,600
C47	3	-52.34%	5,280	2,686	19,440	1.47%	13.92%	5.99	9	-0.44	0.83	2,500
KSB	0	-	12,807	5,021	24,831	13.42%	20.75%	4.26	1	0.53	0.86	2,500
HRC	1	-96.58%	629	5,141	28,060	13.91%	18.88%	9.73	0	-0.06	1.78	2,500
HAI	9	-46.57%	227	2,769	23,684	6.97%	12.51%	7.51	1	0.61	0.88	2,000
CAP	3	149.60%	7,557	13,233	28,237	22.60%	52.16%	4.57	1	0.47	2.14	2,000

Ghi chú:

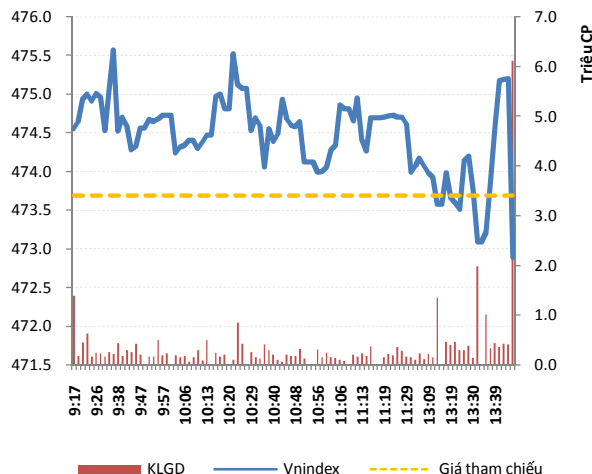
EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

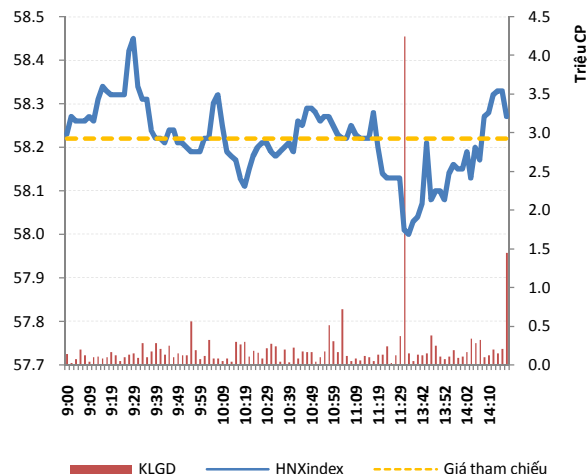
Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 24/04/2013.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

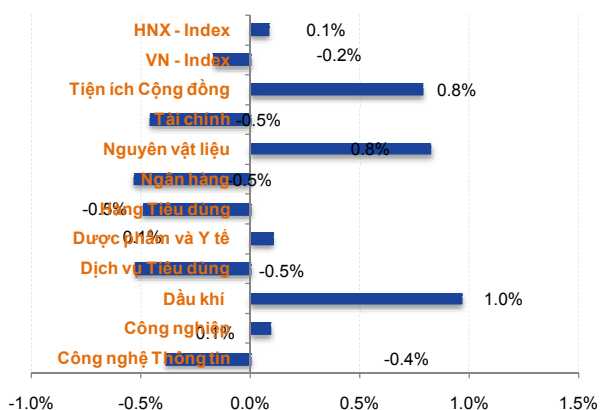
KLGD và VN-Index trong phiên



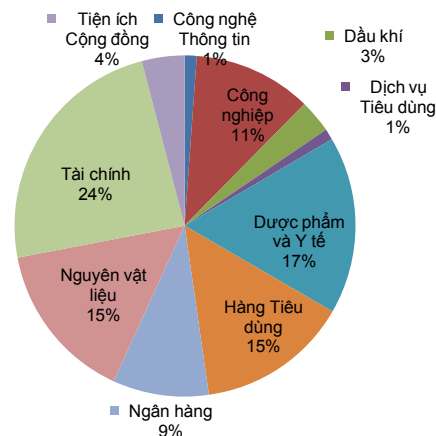
KLGD và HNX-Index trong phiên



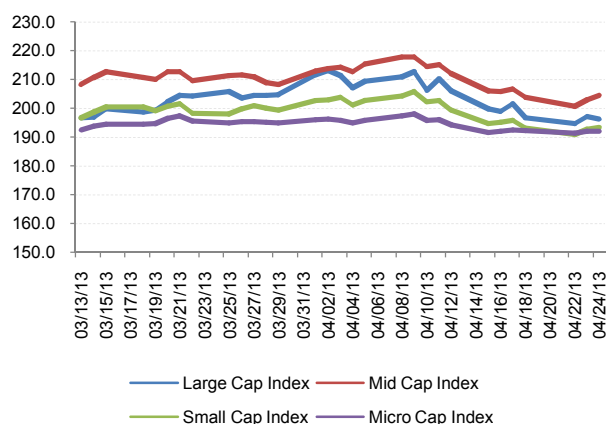
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



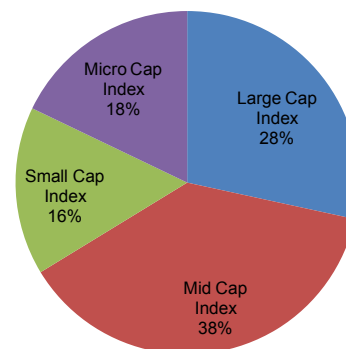
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ITA	1,752,030	HAG	405,150
2	HSG	201,410	STB	334,890
3	DRC	180,300	DPM	246,200
4	PET	178,720	OGC	180,440
5	LCM	150,000	VCB	158,980

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	744,300	VCG	228,300
2	PVC	228,200	PVX	172,200
3	VIG	93,300	PVS	113,800
4	PGS	60,100	NST	9,300
5	VNR	43,400	EBS	5,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	5.9	6.3	↑ 6.78%	4,034,710
DHG	79.0	79.0	→ 0.00%	1,604,114
SII	13.8	14.1	↑ 2.17%	970,520
KBC	6.3	6.7	↑ 6.35%	829,090
VHG	3.3	3.1	↓ -6.06%	784,940

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
APG	3.1	2.8	↓ -9.68%	4,395,800
SHB	6.4	6.5	↑ 1.56%	3,311,900
SCR	6.4	6.4	→ 0.00%	2,492,600
PVX	4.4	4.4	→ 0.00%	1,221,650
PVC	13.8	14.2	↑ 2.90%	866,400

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VES	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
KSB	20.0	21.4	1.4	↑ 7.00%
TRC	46.0	49.2	3.2	↑ 6.96%
TDW	13.0	13.9	0.9	↑ 6.92%
FBT	2.9	3.1	0.2	↑ 6.90%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
THV	0.7	0.8	0.1	↑ 14.29%
GGG	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
HHG	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
HST	6.1	6.7	0.6	↑ 9.84%
NGC	10.4	11.4	1.0	↑ 9.62%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PNC	4.3	4.0	-0.3	↓ -6.98%
PDN	26.1	24.3	-1.8	↓ -6.90%
SPM	34.0	31.7	-2.3	↓ -6.76%
GTA	9.0	8.4	-0.6	↓ -6.67%
PDR	13.5	12.6	-0.9	↓ -6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SD8	0.6	0.5	-0.1	↓ -16.67%
HHL	0.9	0.8	-0.1	↓ -11.11%
ILC	5.0	4.5	-0.5	↓ -10.00%
APG	3.1	2.8	-0.3	↓ -9.68%
BPC	8.4	7.6	-0.8	↓ -9.52%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	4,034,710	0.6%	71	88.3	0.5
DHG	1,604,114	31.7%	7,445	10.6	3.1
SII	970,520	22.8%	2,639	5.3	1.1
KBC	829,090	-10.4%	(1,503)	-	0.5
VHG	784,940	-9.6%	(1,446)	-	0.2

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
APG	4,395,800	0.7%	51	54.7	0.4
SHB	3,311,900	22.0%	2,761	2.4	0.6
SCR	2,492,600	4.0%	622	10.3	0.4
PVX	1,221,650	-47.8%	(3,714)	-	0.6
PVC	866,400	19.1%	3,737	3.8	0.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VES	↑ 12.5%	-20.4%	(1,826)	(0.5)	0.1
KSB	↑ 7.0%	19.9%	4,954	4.3	0.8
TRC	↑ 7.0%	28.2%	11,613	4.2	1.1
TDW	↑ 6.9%	16.1%	2,321	6.0	0.9
FBT	↑ 6.9%	-81.4%	(3,920)	(0.8)	1.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
THV	↑ 14.3%	-174.5%	(5,865)	(0.1)	4.6
GGG	↑ 12.5%	-132.0%	(2,838)	(0.3)	1.2
HHG	↑ 10.0%	-8.1%	(826)	(4.0)	0.4
HST	↑ 9.8%	10.4%	1,097	6.1	0.6
NGC	↑ 9.6%	12.7%	1,617	7.0	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	1,752,030	0.6%	71	88.3	0.5
HSG	201,410	20.1%	4,027	9.9	2.0
DRC	180,300	29.8%	4,812	8.5	2.3
PET	178,720	15.3%	2,709	6.3	1.0
LCM	150,000	14.4%	2,226	5.5	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	744,300	22.0%	2,761	2.4	0.6
PVC	228,200	19.1%	3,737	3.8	0.8
VIG	93,300	10.5%	665	3.6	0.4
PGS	60,100	19.5%	3,981	4.5	0.8
VNR	43,400	11.2%	2,537	8.0	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	104,191	41.6%	6,981	17.9	6.7
GAS	103,278	38.7%	5,175	10.5	3.8
MSN	74,914	8.5%	2,087	52.2	5.4
VCB	61,643	12.5%	2,236	11.9	1.5
VIC	56,617	18.4%	2,041	29.9	4.0

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,003	6.4%	834	19.2	1.2
SQC	8,778	12.6%	1,471	54.3	6.4
PVS	5,896	18.4%	3,211	4.1	0.6
SHB	5,760	22.0%	2,761	2.4	0.6
VCG	4,108	2.0%	291	31.9	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVF	2.60	0.7%	76	108.2	0.7
BVH	2.14	11.3%	1,981	22.8	2.5
ITA	1.89	0.6%	71	88.3	0.5
KBC	1.88	-10.4%	(1,503)	-	0.5
OGC	1.85	2.5%	278	36.7	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	2.79	-47.8%	(3,714)	-	0.6
PXA	2.73	-49.5%	(4,170)	-	0.2
VIG	2.72	10.5%	665	3.6	0.4
ORS	2.58	-0.3%	(24)	-	0.3
SHS	2.56	-0.1%	(10)	-	0.8



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Lê Thanh Hòa

Hoa.lt@shs.com.vn

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)